

Số: 04/2024/QĐST - KDTM

Yên Lạc, ngày 06 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2023/TLST - KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2023, về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X; trụ sở: Tòa nhà N04, B, phường A, quận G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc C – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng H - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc; trụ sở: Số 06, đường L, phường N, thành phố E, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Theo Văn bản ủy quyền số: 111/2018/QĐ – NHHT ngày 26/6/2018).

Bị đơn: Ông Phùng Văn D, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; đều cư trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Phùng Văn D, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Theo Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng lập ngày 02/02/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng X (gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị H đều xác định, tính đến hết ngày 27/02/2024, vợ chồng ông D, bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cả gốc + lãi là 159.817.300đ (Một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm mười bảy nghìn, ba trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), tiền lãi phát sinh trong hạn là 89.817.300đ (Tám mươi chín triệu, tám trăm mười bảy nghìn, ba trăm đồng); tiền lãi trong hạn là: 48.007.600đ (Bốn mươi tám triệu, không trăm linh bảy nghìn, sáu trăm đồng) và tiền lãi quá hạn là 41.809.700đ (Bốn mươi một triệu, tám trăm linh chín nghìn, bảy trăm đồng).

- Ngân hàng và vợ chồng ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận:

+ Toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 27/02/2024 (159.817.300đ) vợ chồng ông D, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng vào ngày 29/4/2024. Ngoài ra còn phải thanh toán thêm tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 28/02/2024 cho đến khi trả xong nợ (tất toán toàn bộ khoản vay còn nợ cả gốc + lãi tính đến ngày 29/4/2024).

Tiền lãi phát sinh được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng số: 28/2015/HĐTD ngày 05/02/2015 hai bên đã ký.

+ Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp, vợ chồng ông D, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng đúng như thỏa thuận ở trên thì tài sản đảm bảo của vợ chồng ông D, bà H đang thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 28/2015/HĐTC ngày 05/02/2015, Ngân hàng được quyền bán phát mại để thu hồi nợ.

Theo kết quả đo đạc kiểm tra hiện trạng thực tế sử dụng thửa đất 1042 ngày 30/01/2024 thể hiện: Thửa đất 1042 vợ chồng ông D đem đi thế chấp tại Ngân hàng tăng so với diện tích đất được cấp trong Giấy chứng nhận là 1,5m². Ông D và Ngân hàng khẳng định, từ khi vợ chồng ông D thế chấp tài sản cho Ngân hàng đến nay, tài sản xây dựng gắn liền với đất và mốc giới xung quanh thửa đất ổn định, không có thay đổi và không có tranh chấp mốc giới với các hộ giáp ranh liền kề. Ông D xác định, việc tăng diện tích đất của nhà ông ở trên là do sai số khi tính toán đo đạc không phải tăng do lấn chiếm đất công hay tăng do lấn chiếm đất của các hộ giáp ranh liền kề. Do vậy, trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng và ông D thỏa thuận. Phần tài sản thế chấp và công trình xây dựng gắn liền với đất được xử lý nằm trong diện tích 251m² thửa đất số 1042, tờ bản đồ 4, tọa lạc tại thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 575183 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 20/9/1999 đứng tên ông Phùng Văn D được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 1 (thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính hiện

trạng sử dụng đất của vợ chồng ông Phùng Văn D do Công ty cổ phần đo đạc và tư vấn đầu tư Vĩnh Phúc đo vẽ ngày 30/01/2024).

3/ Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng về việc tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và lệ phí đo đạc kiểm tra hiện trạng tài sản thế chấp. Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ và Tòa án đã chi phí xong.

Về án phí: Ông Phùng Văn D, bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 3.995.000đ (đã được làm tròn số) (Ba triệu, chín trăm chín mươi năm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được trả lại 3.875.000đ (Ba triệu, tám trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tạm ứng tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0003107 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Hạnh